

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 225/2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 10/6/2025;
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Khang, bà Nguyễn Thị Xuân Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trung Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/6/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 477/2024/TLST-HNGĐ ngày 05/11/2024, về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974; HKTT: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện HĐ, Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Gấm – Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH Thuận Phong; địa chỉ: Địa chỉ: R52 Khu đô thị Đồng Nguyên, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982; ĐKTT: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện HĐ, Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị O tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng về quê ông ở Thái Bình sinh sống cùng bố mẹ ông, đến năm 2007 vợ chồng chuyển lên Hà Nội ở và làm ăn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi cọ. Tháng 4/2022, ông chuyển ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng ly thân đến nay không còn tình cảm gì, nay ông yêu cầu được ly hôn bà Onah.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Nguyễn HO, sinh ngày 29/4/2005; Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/10/2015 và Nguyễn MA, sinh ngày 03/7/2019. Hiện con chung là Nguyễn HO đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, ông đồng ý giao bà O trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn MA, ông trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Phương T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Trong thời gian hôn nhân, bà O có sinh cháu Nguyễn NA vào ngày 24/8/2023.

Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định AND, lấy mẫu máu của tôi và cháu NA. Ngày 30/12/2024, Trung tâm phân tích ADN & Công nghệ di truyền đã có kết luận: Cháu Nguyễn NA không phải là con của ông. Ông đồng ý với Kết luận giám định, nay ông đề nghị Tòa án xác định cháu NA không phải con chung của ông và bà O.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xin rút toàn bộ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

*** Bà Nguyễn Thị O trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trọng T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do hai bên bất đồng quan điểm sống, hai bên sống ly thân đến nay không giải quyết được mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, ông T yêu cầu ly hôn, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là: Nguyễn HO, sinh ngày 29/4/2005; Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/10/2015 và Nguyễn MA, sinh ngày 03/7/2019. Hiện con HO đã thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Nay ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn MA, đồng ý giao ông T trực tiếp nuôi dưỡng con là Nguyễn Phương T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về con riêng: Ngày 24/8/2023, bà có sinh con là Nguyễn NA tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (theo giấy chứng sinh số: 305350, quyển số 300000, phòng đẻ A2 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội). Bà đã có đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa cháu NA và ông T.

Ngày 30/12/2024, Trung tâm phân tích ADN & Công nghệ di truyền đã có kết luận: Cháu Nguyễn NA không phải là con của ông Nguyễn Trọng T.

Bà đồng ý với Kết luận giám định và xác nhận cháu Nguyễn NA không phải là con chung của bà và ông T, do đó ông T không phải có trách nhiệm chăm sóc và nuôi dưỡng đối với cháu NA.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà rút toàn bộ ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung đã trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa ông T thay đổi quan điểm về con chung, ông đề nghị được nuôi cả 02 con Phương T và MA, bà O không đồng ý.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T phát biểu:

Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà O đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Đề nghị Tòa giao cho ông T được nuôi tất cả con chung để các con ở cùng nhau cho có chị có em, ông T đi làm có thu nhập ổn định có điều kiện nuôi con tốt hơn bà O làm tự do.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng đã tự giải quyết, ông T rút yêu cầu về tài sản.

**** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:***

1. Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T được ly hôn bà O.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T cho ông T và giao cháu Nguyễn MA cho bà O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T và Anh đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T và bà O không yêu cầu giải quyết. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Về con riêng: Căn cứ kết luận giám định ADN, xác định Nguyễn NA do bà O sinh ngày 24/8/20243 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (theo giấy chứng sinh số: 305350, quyền số 300000, phòng đẻ A2 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội) không phải là con chung của ông T và bà O, do đó bà O có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu NA.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Nguyễn Trọng T có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung với bà Nguyễn Thị O là quan hệ tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú tại huyện HĐ, Tòa án nhân dân huyện HĐ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị O đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà O là hợp pháp.

Sau kết hôn, ông T và bà O chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do hai bên bất đồng quan điểm sống. Năm 2022, ông T thuê nhà ra ngoài ở riêng và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nay cả ông T và bà O đều xác nhận không còn tình cảm vợ chồng, ông T yêu cầu được ly hôn, bà O đồng ý.

Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông T và bà O đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho ông T được ly hôn bà O là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

2.2. Về con chung, con riêng:

Con chung: Ông T và bà O có 03 con chung là: Nguyễn HO, sinh ngày 29/4/2005; Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/10/2015 và Nguyễn MA, sinh ngày 03/7/2019. Hiện con HO đã thành niên hai ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ly hôn, ông T đề nghị nuôi con Phương T và MA vì ông có điều kiện chăm sóc tốt hơn đồng thời các con ở cùng nhau có chị có em. Còn phía bà O giữ nguyên việc nuôi con như đã thỏa thuận tại buổi hòa giải.

Xét thấy, ông T, bà O đều có điều kiện như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung hơn nữa hiện tại ông T đang trực tiếp nuôi con Phương T, bà O đang nuôi con MA, các con đều đang có cuộc sống ổn định nên giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con riêng: Căn cứ kết luận giám định ADN, xác định cháu Nguyễn NA do bà O sinh ngày 24/8/20243 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (theo giấy chứng sinh số: 305350, quyển số 300000, phòng đẻ A2 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội) là con riêng của bà O, không phải là con chung của ông T và bà O, do đó bà O có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn NA.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Ông T tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; mục 7 phần IV Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 và hướng dẫn tại mục 15 Giải đáp số 02/GĐ-TANDTC ngày 19/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của ông T.

Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[3]. Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông T rút yêu cầu chia tài sản chung, được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản.

[4]. Về chi phí tố tụng: Bà O có đơn yêu cầu giám định ADN, tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định là phù hợp, xác nhận bà O đã nộp đủ và T toán xong chi phí giám định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Trọng T được ly hôn bà Nguyễn Thị O.

- **Về con chung:** Ông T và bà O có 03 con chung là: Nguyễn HO, sinh ngày 29/4/2005; Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/10/2015 và Nguyễn MA, sinh ngày 03/7/2019. Hiện con HO đã thành niên nên không phải giải quyết.

+ Giao con Nguyễn MA cho bà O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

+ Giao con Nguyễn Phương T cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Ông T, bà O không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về con riêng:** Xác định cháu Nguyễn NA do bà O sinh ngày 24/8/2023 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (theo giấy chứng sinh số: 305350, quyển số 300000, phòng đẻ A2 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội) là con riêng của bà O, không phải là con chung của ông T và bà O.

Bà O có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn NA.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận ông T và bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông T.

2. Về án phí:

- Ông T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)

theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0038628 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0038627 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông T và bà O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND.H.HĐ;
- Chi cục THADS.H.HĐ;
- UBND xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Diệu Kim

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Khang Nguyễn Thị Xuân Hương

Lương Thị Diệu Kim

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9h30 ngày 10/6 /2025

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

Ông Trần Mạnh Khang

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 477/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân gia đình:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1974; HKTT: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện HỒ, Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1982; ĐKTT: Thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện HỒ, Hà Nội.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng T được ly hôn bà Nguyễn Thị O.

- **Về con chung:** Ông T và bà O có 03 con chung là: Nguyễn HO, sinh ngày 29/4/2005; Nguyễn Phương T, sinh ngày 03/10/2015 và Nguyễn MA, sinh ngày 03/7/2019. Hiện con HO đã thành niên nên không phải giải quyết.

+ Giao con Nguyễn MA cho bà O trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

+ Giao con Nguyễn Phương T cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác;

Ông T, bà O không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về con riêng:** Xác định cháu Nguyễn NA do bà O sinh ngày 24/8/2023 tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội (theo giấy chứng sinh số: 305350, quyển số 300000, phòng đẻ A2 của Bệnh viện Phụ sản Hà Nội) là con riêng của bà O, không phải là con chung của ông T và bà O.

Bà O có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn NA.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận ông T và bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông T.

2. Về án phí:

- Ông T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0038628 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

- Trả lại ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*) theo biên lai thu BLTU/23 ngày 0038627 ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông T và bà O có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09h45 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Khang Nguyễn Thị Xuân Hương

Lương Thị Diệu Kim

